



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2013**

## **NỘI DUNG**

<b>I. THÔNG TIN CHUNG.....</b>	<b>2</b>
1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY .....	2
2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN .....	2
3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	3
4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	4
5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN.....	5
<b>II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....</b>	<b>5</b>
1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2013 .....	5
2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2013 .....	6
3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2013.....	7
4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ .....	8
5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	9
6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU.....	9
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC.....</b>	<b>11</b>
1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH .....	11
2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH .....	11
3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014.....	11
<b>IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>13</b>
1. TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH .....	13
2. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ .....	13
3. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH.....	14
4. ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014.....	14
<b>V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....</b>	<b>15</b>
1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	15
2. BAN KIỂM SOÁT .....	17
<b>VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH .....</b>	<b>20</b>

## I. THÔNG TIN CHUNG

### 1. GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Tên gọi của Công ty	<b>Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt</b>
Tên tiếng Anh	<b>Dai Viet Securities Corporation</b>
Tên tiếng Anh viết tắt	<b>DVSC</b>
Trụ sở chính	46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TPHCM
Điện thoại	(84.8) 39.144.288
Fax	(84.8) 39.144.268
Website	<a href="http://www.dvsc.com.vn">www.dvsc.com.vn</a>
Email	<a href="mailto:info@dvsc.com.vn">info@dvsc.com.vn</a>
Vốn điều lệ	<b>250.000.000.000 đồng</b>
Giấy phép thành lập	15/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006
Mã số thuế	0304407252

### 2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

16/06/2006	Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (DVSC) được thành lập với vốn điều lệ 10 tỷ đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900 do Sở KH-ĐT TPHCM cấp (đăng ký lần đầu). Trụ sở chính đặt tại Lầu 3, Toà nhà StarView, 63A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q1, TPHCM.
28/06/2006	DVSC chính thức đi vào hoạt động theo Giấy phép số 15/UBCK-GPHĐKD của UBCKNN.
28/09/2006	DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TPHCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM - HOSE).
05/12/2006	DVSC trở thành thành viên của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội - HNX).
19/12/2006	DVSC được Sở KH-ĐT TPHCM cấp thay đổi Giấy CNĐKKD lần 1, theo đó vốn điều lệ mới của DVSC là 44 tỷ đồng.
05/02/2007	DVSC chuyển trụ sở về Lầu 2 & 4, Toà nhà Savimex, 194 Nguyễn Công Trứ, Q1, TPHCM

- 02/04/2007 DVSC tăng vốn lên 250 tỷ đồng, được thực hiện đầy đủ các nghiệp vụ của 1 công ty chứng khoán, gồm: Môi giới, Tự doanh, Bảo lãnh phát hành và Tư vấn.
- 04/04/2008 UBCK có Quyết định số 261/QĐ-UBCK chấp thuận cho DVSC thành lập Chi nhánh Hà Nội tại 18 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội.
- 20/03/2009 UBCK có Quyết định số 218/UBCK-GP chấp thuận cho DVSC được rút bớt nghiệp vụ Bảo lãnh phát hành
- 24/02/2010 DVSC chuyển Chi nhánh Hà Nội về 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội theo Quyết định số 130/QĐ-UBCK của UBCKNN.
- 05/09/2011 DVSC chuyển Trụ sở chính về 46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TPHCM theo Quyết định số 49/QĐ-UBCK ngày 24/8/2011 của UBCKNN.

### **3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH**

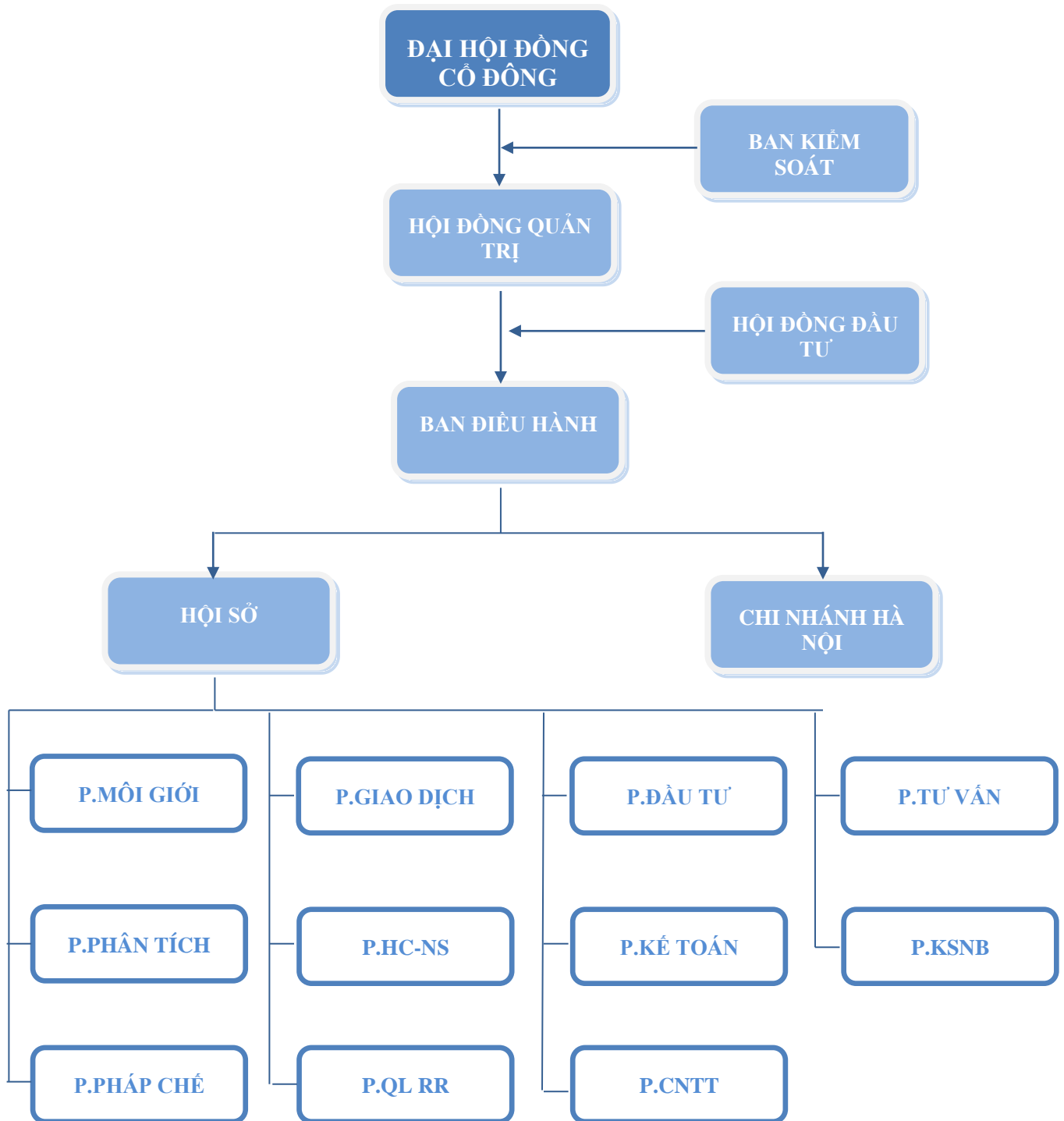
#### **a. Ngành nghề kinh doanh**

- Môi giới chứng khoán
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán
- Hoạt động lưu ký chứng khoán
- Tự doanh chứng khoán.

#### **b. Địa bàn kinh doanh**

- Trụ sở chính: 46-48 Tôn Thất Đạm, Q1, TP.HCM
- Chi nhánh: 96 Bà Triệu, Hoàn Kiếm, Hà Nội

4. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



## 5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- ❖ **Sứ mệnh:** Tối đa hoá lợi ích của các cổ đông và khách hàng;
- ❖ **Tầm nhìn:** Trở thành một trong những định chế tài chính hàng đầu tại Việt Nam;
- ❖ **Giá trị cốt lõi:** An toàn, đạo đức và xây dựng các mối quan hệ bền chặt;
- ❖ **Mục tiêu:** Tăng năng lực tài chính, phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản trị.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

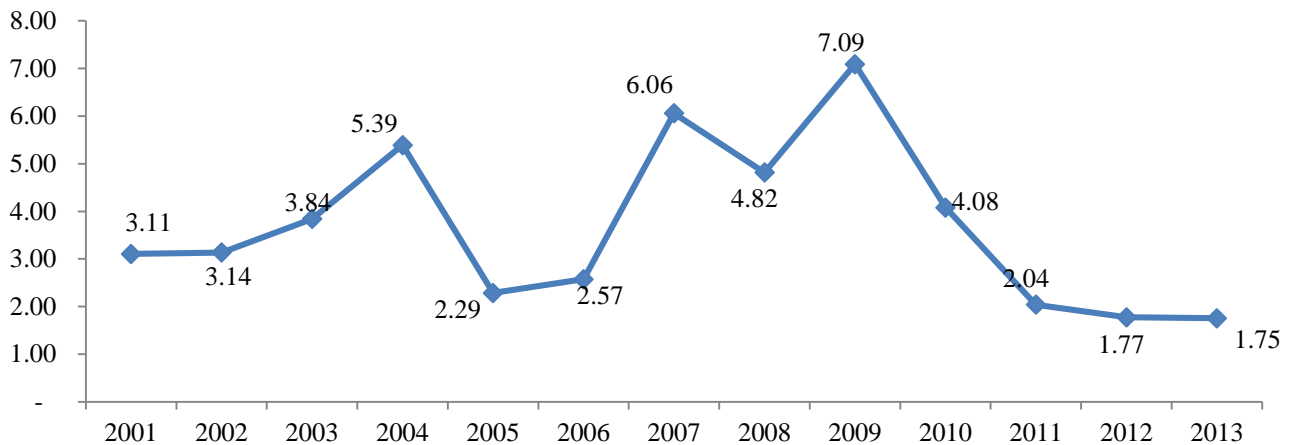
### 1. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NĂM 2013

Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) dừng lại ở mức tăng 5.42%, thấp hơn so với mục tiêu tăng 5.5% đề ra nhưng cao hơn mức tăng 5,03% của năm 2012 cũng đủ để khẳng định tăng trưởng kinh tế đã đi vào thế ổn định, xua tan mối lo về “đáy tăng trưởng” và cao hơn so với nhiều dự báo của các tổ chức trong và ngoài nước. Cả hai mục tiêu quan trọng nhất của kinh tế Việt Nam năm 2013 đều đã được hoàn thành. Lạm phát được kiểm chế ở mức 6,04%, thấp hơn so với năm 2012. Sự ổn định của nền kinh tế năm 2013 được sự hỗ trợ rất nhiều của ổn định chính sách kinh tế vĩ mô, trong đó, chính sách lãi suất nói riêng, chính sách tiền tệ nói chung đã góp phần hết sức tích cực. Mặt bằng lãi suất cho vay giảm 2-5%/năm và trở về mức lãi suất của giai đoạn 2005-2006 nhưng vẫn đảm bảo mục tiêu kiểm soát lạm phát, ổn định thị trường tiền tệ tín dụng.

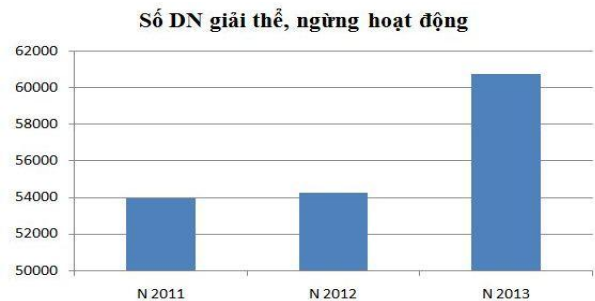
Tuy nhiên, Việt nam đang phải đối mặt với một bức tranh kinh tế khá ảm đạm: những mảng nợ xấu của “tăng băng ngầm –DNNN” làm chậm lại quá trình tăng trưởng kinh tế của cả nước đã “lộ thiên”, tỷ lệ thất nghiệp cùng lượng doanh nghiệp giải thể gia tăng nhanh chóng.

Trong giai đoạn 2012-2013, tăng trưởng tín dụng chỉ ở mức 1 con số, thấp xa so với mức 2 con số, thậm chí là 20-30%, của nhiều năm trước. Vì vậy, khi một nhân tố quan trọng đóng góp vào tăng trưởng kinh tế Việt Nam là nguồn vốn tín dụng bị suy kiệt, tăng trưởng kinh tế vì vậy cũng chậm lại.

### Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng/ tăng trưởng GDP của Việt Nam



Mặt khác, lượng doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động 11 tháng tăng 8,4% so với cùng kỳ năm trước. Bức tranh khá u ám về tình hình thất nghiệp trong năm 2013 do sản xuất vẫn gặp khó khăn làm ảnh hưởng đến việc làm của người lao động.

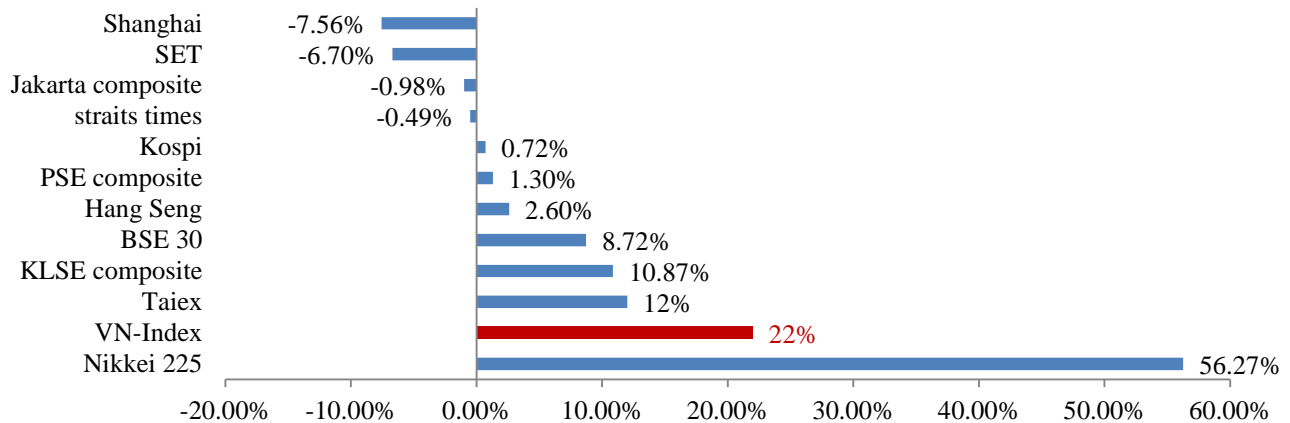


Trong bối cảnh kinh tế trong nước tiếp tục đình trệ, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) là phao cứu sinh của nền kinh tế Việt Nam. Luồng vốn FDI sẽ mang đến những lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp trong nước ở các khía cạnh như học hỏi công nghệ, cung ứng nguyên vật liệu và các bộ phận sản xuất cho các doanh nghiệp đa quốc gia.

## 2. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM NĂM 2013

Cùng với sự phục hồi của nền kinh tế, niềm tin của nhà đầu tư đối với kênh đầu tư chứng khoán cũng đã trở lại. Ngoài ra, quyết định về việc kéo dài thời gian giao dịch, tăng biên độ giao dịch và mở thêm các công cụ đầu tư mới... đã giúp gia tăng sức bật cho TTCK.

Kết thúc năm 2013, thị trường chứng khoán Việt Nam nằm trong Top thị trường tăng trưởng tốt nhất thế giới, VN-Index tăng xấp xỉ 22% và chốt năm tại mức 504,63 điểm.



Diễn biến thị trường chứng khoán châu Á năm 2013

Thanh khoản trên hai sàn diễn biến khá trái chiều nhau. Khối lượng khớp lệnh trung bình sàn TP.HCM (HSX) đạt 59,3 triệu đơn vị, tăng 28% so với năm 2012; trên sàn Hà Nội (HNX) là 40 triệu đơn vị, giảm 11% so với năm 2012. Có thể thấy, sự tích cực của dòng vốn đầu tư nước ngoài trong năm 2013 thể hiện khá rõ trên sàn HSX, theo đó, giá trị mua ròng cả năm của sàn TP.HCM là 5.547 tỉ đồng, tăng 65,4% so với năm 2012.

Sự phân hóa khá mạnh mẽ giữa các nhóm cổ phiếu trong năm 2013 với chiến thắng thuộc về các công ty có nền tảng cơ bản tốt. Tuy nhiên, năm 2013 được đánh giá là năm kỷ lục về số doanh nghiệp hủy niêm yết, toàn thị trường có 37 doanh nghiệp hủy niêm yết và 13 doanh nghiệp niêm yết mới. Bên cạnh đó, vai trò huy động vốn của chứng khoán vẫn chưa được thể hiện, trong 200.000 tỉ đồng vốn huy động qua TTCK có tới 180.000 tỉ đồng được huy động từ trái phiếu chính phủ.

### 3. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DVSC NĂM 2013

*Đvt: Triệu Vnd*

Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2013	TH 2012	% TH 2013 sv. KH 2013	% TH 2013 sv. TH 2012
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>21,410</b>	<b>20,040</b>	<b>18,578</b>	<b>106.8%</b>	<b>115.2%</b>
Doanh thu phí môi giới	4,541	4,450	5,241	102.0%	86.6%
Doanh thu hoạt động đầu tư	6,739	5,320	2,162	126.7%	311.7%
Doanh thu phí tư vấn	-	-	33	-	-
Doanh thu khác	10,130	10,270	11,142	98.6%	90.9%



<b>Tổng chi phí</b>	<b>17,286</b>	<b>17,024</b>	<b>15,207</b>	<b>101.5%</b>	<b>113.7%</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>3,796</b>	<b>3,016</b>	<b>3,383</b>	<b>125.8%</b>	<b>112.2%</b>

- **Doanh thu:** Tổng doanh thu của Công ty năm 2013 là 21,4 tỷ đồng, đạt 106.8% kế hoạch. Doanh thu môi giới đạt hơn 4,5 tỷ đồng, bằng 102% kế hoạch, nhưng chỉ bằng 86,6% so với năm 2012. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn năm 2013 là 6,7 tỷ đồng, bằng 126.7% kế hoạch. Việc tái cơ cấu danh mục trong năm 2013 cũng đã giúp đảm bảo tính thanh khoản, bổ sung nguồn lực tài chính cho Công ty.
- **Chi phí:** Tổng chi phí của Công ty năm 2013 là 17,2 tỷ đồng, xấp xỉ mức chỉ tiêu đề ra.
- **Lợi nhuận:** Lợi nhuận trước thuế của Công ty năm 2013 là 3,8 tỷ đồng, đạt 125,8% kế hoạch.

#### 4. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

- **Ban điều hành: Bà Hoàng Thị Tâm - Tổng giám đốc**

Bà Hoàng Thị Tâm sinh ngày 13/06/1980, được bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc từ ngày 15/04/2011. Trước đó bà Tâm là Phó phòng Giao dịch tại Hội sở. Trước khi về DVSC, bà Tâm từng giữ chức vụ quản lý tại Công ty Chứng khoán Sacombank (SBS).

Bà Tâm tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế (khoa Kinh doanh tiền tệ) và có bằng Thạc sỹ quản trị kinh doanh trường Nelson Mandela Metropolitan University.

- **Kế toán trưởng: Bà Trần Thị Ròng**

Bà Trần Thị Ròng sinh ngày 19/05/1966, được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng từ tháng 01/2010. Trước đó bà Ròng đã làm việc ở Legamex với nhiều chức vụ khác nhau như Cán bộ thuế phòng kế toán, Thành viên BKS, Kế toán trưởng XN Lega4, Nhân viên thống kê... Tại Công ty TNHH Thanh Hoà bà Ròng giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc. Bà Ròng có bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.

- **Nhân viên:** Tình hình nhân sự tại DVSC trong năm 2013 tương đối ổn định. Tổng số nhân viên của Công ty đến cuối năm 2013 là 48 người, giảm 9 người so với đầu năm.

## 5. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### a) Tình hình tài chính

*Đvt: Triệu Vnd*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>	<b>% tăng giảm</b>
Tổng giá trị tài sản	241,441	499,598	-52%
Doanh thu thuần	21,077	18,561	14%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4,192	3,354	25%
Lợi nhuận khác	-396	29	
Lợi nhuận trước thuế	3,796	3,383	12%

### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Năm 2013</b>	<b>Năm 2012</b>
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn:	4.19	1.21
Hệ số thanh toán nhanh:	4.19	1.21
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0.09	0.57
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0.09	1.30
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.09	0.04
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.18	0.18
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.02	0.02
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.02	0.01
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/DT thuần	0.20	0.18

## 6. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ đông của Công ty trong năm 2013 không có nhiều thay đổi. Tại thời điểm ngày 31/12/2013, Công ty có vốn điều lệ là 250 tỷ đồng, tương ứng với 25 triệu cổ phần được nắm giữ bởi 599 cổ đông, trong đó 12 cổ đông nước ngoài nắm tổng cộng 262.000 CP (*chiếm 1,05%*); 11 cổ đông là tổ chức (*trong đó 10 trong nước và 1 nước ngoài*), còn lại toàn bộ là cá nhân. Số cổ đông nắm giữ từ 5% vốn trở lên là 9 với số CP nắm giữ là 18.457.651, chiếm 73,8%. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm cuối năm 2013 như sau:

<b>Cổ đông</b>	<b>Trong nước</b>		<b>Nước ngoài</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Tổ chức	8,189,150	32.76%	150,000	0.60%	8,339,150	33.36%
Cá nhân	16,548,850	66.20%	112,000	0.45%	16,660,850	66.64%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,738,000</b>	<b>98.95%</b>	<b>262,000</b>	<b>1.05%</b>	<b>25,000,000</b>	<b>100.00%</b>

<b>Cổ đông (CĐ)</b>	<b>Trong nước</b>		<b>Nước ngoài</b>		<b>Tổng cộng</b>	
	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Số CP</b>	<b>Tỷ lệ</b>
CĐ nắm giữ trên 5%	18,457,651	73.83%	-	0.00%	18,457,651	73.83%
CĐ nắm giữ 1% -5%	1,000,500	4.00%	-	0.00%	1,000,500	4.00%
CĐ nắm giữ dưới 1%	5,279,849	21.12%	262,000	1.05%	5,541,849	22.17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>24,738,000</b>	<b>98.95%</b>	<b>262,000</b>	<b>1.05%</b>	<b>25,000,000</b>	<b>100.00%</b>

### III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

#### 1. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2013	Thực hiện 2013	Thực hiện 2012
<b>Thị phần</b>	1.10%	1.05%	1.10%
<b>Lợi nhuận</b>	3,016	3,796	3,383

Năm 2013, DVSC đạt mức lợi nhuận là 3,79 tỷ đồng bằng 125.8% kế hoạch đề ra và tăng 12,2% so với năm 2012.

Bên cạnh đó việc quản lý chi tiêu một cách chặt chẽ, tỷ lệ an toàn vốn khả dụng được đảm bảo, nhân sự không có nhiều biến động, góp phần duy trì hoạt động của Công ty một cách ổn định.

#### 2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

*Đvt: Triệu Vnd*

Chỉ tiêu	Thực hiện		Thay đổi	
	2013	2012	Giá trị	%
Tài sản ngắn hạn	87,225	342,512	-255,287	-74.53%
Tài sản dài hạn	154,216	157,086	-2,870	-1.83%
<b>Tổng Tài sản</b>	<b>241,441</b>	<b>499,598</b>	<b>-258,157</b>	<b>-51.67%</b>
Nợ phải trả	20,838	282,790	-261,952	-92.6%
Vốn chủ sở hữu	220,603	216,808	3,796	1.75%
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>241,441</b>	<b>499,598</b>	<b>-258,157</b>	<b>-51.67%</b>
<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2013</b>	<b>2012</b>		
Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản	36.1%	68.6%		
Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản	63.9%	31.4%		
Nợ phải trả/Tổng Nguồn vốn	8.6%	56.6%		
Vốn chủ sở hữu/Tổng Nguồn vốn	91.4%	43.4%		

#### 3. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2014

##### Triển vọng kinh tế

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam năm 2014 sẽ cải thiện hơn so với năm 2013 nhưng không nhiều. Theo dự đoán, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2014 của Việt Nam tăng thêm chỉ 0,1 điểm phần trăm.

Trong khi tăng trưởng vẫn khiêm tốn thì lạm phát có khả năng sẽ cao hơn nhiều so với năm 2013 khi các chính sách tài khóa và tiền tệ sẽ được nới lỏng hơn để thúc đẩy tăng trưởng. Kinh tế thế giới đang trên đà phục hồi, dù chậm, cũng góp phần khiến giá cả hàng hóa cao hơn, gây sức ép làm gia tăng lạm phát trong nước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm sau sẽ tăng đến 8,3%, một sự khác biệt khá lớn so với con số khoảng 6,6% năm nay.

2014 sẽ vẫn là một năm khó khăn của các doanh nghiệp trong nước, Điểm sáng duy nhất trong bối cảnh kinh tế trì trệ, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) sẽ tiếp tục là phao cứu sinh của nền kinh tế.

### **Dự báo thị trường chứng khoán năm 2014**

Năm 2013 tiếp tục chứng kiến một lượng lớn doanh nghiệp rời cuộc chơi cao hơn con số của cả năm 2012 và 2011. Sức tiêu thụ của thị trường yếu, tín dụng ngân hàng bị siết chặt, khả năng cạnh tranh thấp, thị trường bất động sản chưa khởi sắc sẽ khiến doanh nghiệp trong nước tiếp tục chật vật tìm chỗ đứng.

Tuy nhiên, những chính sách vĩ mô của chính phủ cũng đã mang lại những kỳ vọng mới cho nhà đầu tư trong nước cũng như nhà đầu tư nước ngoài. Các thông tin tích cực như lạm phát hạ nhiệt, lãi suất trong xu hướng giảm, tỷ giá ổn định, thành lập VAMC, và các giải pháp phá băng bất động sản ... sẽ có những tác động tích cực nhất định đến thị trường.

### **Chỉ tiêu kế hoạch 2014**

Năm 2014, DVSC phấn đấu đạt mức thị phần là 1,9%, đặt kế hoạch tổng doanh thu khoảng 50,6 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế gần 20 tỷ đồng.

- Môi giới: đặt mục tiêu cho việc duy trì và phát triển thị phần, chăm sóc khách hàng là nhiệm vụ được ưu tiên hàng đầu.
- Công nghệ thông tin: chuẩn hóa hệ thống, phát triển phần mềm ứng dụng và các tiện ích mới, đảm bảo tính an toàn và hiệu quả;
- Phân tích: báo cáo phân tích và dự báo xu hướng thị trường giúp nhà đầu tư cập nhật thông tin và đưa ra quyết định đúng đắn và kịp thời;
- Sản phẩm tư vấn đầu tư: hỗ trợ nhà đầu tư đánh giá cơ hội thị trường và xây dựng mục tiêu đầu tư phù hợp với khả năng tài chính và chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư;

- Sản phẩm tài chính: tăng năng lực tài chính và tăng cường liên kết với các đối tác nhằm hỗ trợ tài chính cho các nhà đầu tư;
- Tự doanh: tái cơ cấu danh mục hiện có nhằm tạo thanh khoản và bổ sung vốn cho các hoạt động khác của Công ty.
- Các công tác khác: xây dựng các quy chế, quy trình và quy định nhằm giúp Công ty hoạt động an toàn; Đẩy mạnh công tác xử lý thu hồi nợ, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; Điều chỉnh các chế độ dành cho nhân viên phù hợp với tình hình thị trường;

## IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. TÓM TẮT KẾT QUẢ KINH DOANH

*ĐVT: Triệu Vnd*

Chỉ tiêu	TH 2013	KH 2013	TH 2012	TH 2013 sv. KH 2013	TH 2013 sv. TH 2012
<b>Thị phần</b>	1.05%	1.10%	1.08%		
<b>Tổng doanh thu</b>	21,410	20,040	18,578	106.8%	115.2%
<b>Tổng chi phí</b>	17,286	17,024	15,194	101.5%	113.7%
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	3,796	3,016	3,383	125.8%	112.2%

### 2. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ

Trong năm 2013, Hội đồng quản trị đã họp 6 phiên để xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, đồng thời chỉ đạo, đưa ra các định hướng và quyết định kịp thời, ổn định bộ máy và các mặt hoạt động:

- Giám sát chỉ đạo tái cơ cấu danh mục đầu tư, huy động nguồn hỗ trợ kinh doanh;
- Triển khai tổ chức đại hội cổ đông năm 2013;
- Giám sát công tác điều hành hoạt động kinh doanh đảm bảo kế hoạch năm 2013;
- Tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính: tháng, quý, năm;

- Xem xét các báo cáo của Ban Tổng giám đốc, ý kiến chỉ đạo về kế hoạch đầu tư, kinh doanh, thu hồi nợ xấu và xử lý sai phạm tại chi nhánh thực hiện theo đúng các nghị quyết của ĐHĐCĐ và nghị quyết của HĐQT;
- Giám sát công tác điều hành, nắm bắt quá trình kinh doanh qua các báo cáo;
- Chỉ đạo giám sát Ban điều hành thực hiện xử lý các sai phạm tại chi nhánh;
- HĐQT phối hợp với BKS tổ chức hoạt động kiểm tra đối với hoạt động kinh doanh và công tác quản lý của Ban Tổng giám đốc.

### **3. CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH**

Hội đồng quản trị giám sát thường xuyên công tác điều hành của Tổng giám đốc thông qua các chế độ báo cáo và giải trình trực tiếp. Công tác giám sát, trong nhiều trường hợp, còn được phối hợp với Ban kiểm soát một cách hiệu quả.

Trong năm, Tổng giám đốc đã tập trung giải quyết vấn đề thanh khoản, tìm kiếm nguồn vốn, xử lý nợ và tái cơ cấu danh mục đầu tư. Ban điều hành đã điều hành Công ty một cách có trách nhiệm và tiết kiệm.

### **4. ĐỊNH HƯỚNG, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2014**

Kinh tế Việt Nam trong những tháng đầu năm 2014 đã có những điểm sáng nhất định như: mặt bằng lãi suất huy động và cho vay đã giảm đáng kể, nguồn vốn FDI tiếp tục gia tăng sẽ mang tới nhiều lợi ích đáng kể cho doanh nghiệp trong nước. Tuy nhiên, tình trạng thất nghiệp và giải thể doanh nghiệp cho thấy quá trình phục hồi kinh tế của Việt Nam hết sức mong manh.

Trước tình hình đó, năm 2014 Hội đồng quản trị đặt trọng tâm vào nâng cao năng lực tài chính; ổn định hệ thống, phát triển thêm nhiều tiện ích mới cho khách hàng; nghiên cứu giới thiệu nhiều sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu của nhà đầu tư. Về kết quả kinh doanh, dự kiến đạt lợi nhuận khoảng 20 tỷ đồng trong năm 2014.

## **V. QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Ông Mai Hữu Khương- Chủ tịch Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 10-01-2014)**

Ông Khương sinh ngày 19/08/1983. Trước khi trở thành thành viên Hội đồng quản trị DVSC, Ông Khương từng là Chuyên viên quan hệ khách hàng Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP phát triển Tp.HCM, Quyền Trưởng phòng tín dụng hội sở Ngân hàng TMCP Bản Việt... Hiện ông Khương là thành viên HĐQT kiêm Giám đốc khối kinh doanh Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam. Ông Khương có bằng Cử nhân Kinh tế.

#### **Bà Lê Thị Bích Thủy - Thành viên Hội đồng quản trị**

Bà Thủy sinh ngày 24/11/1967. Bà hiện là Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Song Minh Thủy, Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty TNHH Bích Thủy, Chủ tịch HĐQT Rainbow School. Bà Thủy từng là Kiểm soát viên VPBank, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Đại Á Bank...

Bà Thủy tốt nghiệp khoa Nga, Đại học Ngoại ngữ Quốc gia Hà Nội, và ngành Kinh tế Ngoại thương Đại học Ngoại Thương Hà Nội.

#### **Ông Phan Thành Mai – Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Ông Mai sinh ngày 20/06/1971. Ông hiện là Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam (VNCB). Trước khi về Ngân hàng này, Ông Mai là Tổng giám đốc công ty BĐS Liên Á, Tổng giám đốc công ty CP quỹ đầu tư BĐS ngân hàng VP Bank, Chủ tịch HĐQT công ty CP đầu tư Vietnam Investment...; Ông Mai có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh, kiến trúc sư phong cảnh.

#### **Ông Nguyễn Quốc Viễn - Thành viên Hội đồng quản trị (bổ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Ông Viễn sinh ngày: 15/12/1976. Ông Viễn hiện là Trưởng ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam, Thư ký Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Thanh. Ông Viễn từng là Giám đốc Công ty TNHH MTV Kim Quốc Long- Tây Ninh; trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – CN Tân phú...; Ông Viễn có bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh – Tài chính kế toán

#### **Ông Nguyễn Thành Duy - Thành viên Hội đồng quản trị**

Ông Duy sinh ngày 15/02/1955. Ông hiện là Chủ tịch kiêm TGD Công ty Điện Lực 2, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam và Công ty CP Thủy Điện Miền Trung.



Ông Duy tốt nghiệp Đại học Bách Khoa TP HCM chuyên ngành Điện.

**Ông Hứa Xường - Chủ tịch Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Ông Xường sinh ngày 03/08/1952. Ông Xường là thành viên Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank). Trước khi trở thành thành viên Hội đồng quản trị TrustBank vào tháng 12/2008, ông Xường là thành viên BKS của ngân hàng này, từng là TGD Công ty TNHH Phú Mỹ và là thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng TMCP Sài Gòn, Công ty CP Đầu tư Phát triển Phú Mỹ, Công ty Lam Giang ...

Ông Xường tốt nghiệp Đại học Khoa học Sài Gòn và đã trải qua các khoá đào tạo về CFO, CEO, kinh doanh địa ốc, nghiệp vụ kế toán-tài chính-ngân hàng... Ông Xường trở thành Chủ tịch Hội đồng quản trị của DVSC ngày 26/9/2009.

**Ông Đỗ Hoàng Linh - Thành viên Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Ông Linh sinh ngày 04/06/1970. Ông trước đây là Phó Tổng giám đốc TrustBank. Trước khi về ngân hàng này, ông Linh làm Phó TGD Công ty Cổ phần Bất động sản Sài Gòn-Thái Sơn từ tháng 6/2008-4/2009. Trước đó, ông Linh làm Trưởng phòng Nghiên cứu-Phát triển Ngân hàng TMCP Việt Á.

Ông Linh tốt nghiệp Đại học Ngân hàng và Đại học Kinh tế TP HCM. Ông Linh đã tham gia nhiều khoá đào tạo khác như: khoá đào tạo Giám đốc Kinh doanh của Viện Nghiên cứu Kinh tế Phát triển, khoá đào tạo về TTCK của Ngân hàng Nhà nước, khoá đào tạo về nghiệp vụ tài trợ thương mại của HSBC, khoá đào tạo về Quản lý rủi ro ngân hàng của Bank Training Co. Ltd. (BTC) và khoá đào tạo về kỹ năng tiếp thị trên mạng của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

**Bà Ngô Nguyễn Đoan Trang - Thành viên Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Bà Trang sinh ngày 02/01/1982. Bà trước đây là Phó Tổng giám đốc TrustBank. Bà từng là Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Liên doanh Asia Phú Mỹ.

Bà Trang tốt nghiệp Đại học Wales (Singapore) với bằng Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, Đại học Portsmouth (Singapore) với bằng Cử nhân Thương mại điện tử, Cao đẳng tại trường Đại học MDIS về Quản lý điều hành và Cao đẳng tại trường Đại học Infomatics (Singapore) về Công nghệ thông tin. Bà Trang có bằng Tiến sỹ Quản trị kinh doanh.

**Ông Ngô Trí Đức - Thành viên Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Ông Đức sinh ngày 12/11/1974. Ông trước đây là Phó TGD kiêm Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn TrustBank. Trước đây ông Đức từng là chuyên viên Phòng Quản lý Ngoại hối Ngân hàng nhà nước - Chi nhánh TPHCM, GD Phòng giao dịch Hoàng Văn Thụ và GD Chi nhánh Q.5 Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB Bank).

Ông Đức tốt nghiệp các trường Đại học Ngân hàng, Đại học Kinh tế và Học viện Hành chính Quốc gia.

**Bà Trịnh Thị Tuyết Minh - Thành viên Hội đồng quản trị (từ nhiệm ngày 04-12-2013)**

Bà Minh sinh ngày 13/08/1962. Bà hiện là Phó TGD Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh. Bà Minh từng là Phó TGD Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn (Sabeco), Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam, Kế toán trưởng Sabeco, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên.

Bà Minh tốt nghiệp Khoa Kinh tế Công nghiệp và Khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TPHCM.

## **2. BAN KIỂM SOÁT**

**Bà Trịnh Thị Tuyết Minh – Trưởng BKS (bổ nhiệm ngày 04/12/2013)**

Bà Minh sinh ngày 13/08/1962. Bà hiện là Phó TGD Công ty TNHH Trung Tâm Mê Linh. Bà Minh từng là Phó TGD Tổng Công ty Bia-Rượu-NGK Sài Gòn (Sabeco), Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Miền Trung, thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thủy Điện Miền Nam, Kế toán trưởng Sabeco, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Bia Sài Gòn-Phú Yên.

Bà Minh tốt nghiệp Khoa Kinh tế Công nghiệp và Khoa Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TPHCM.

**Bà Nguyễn Thị Xuân Mai – Thành viên Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 04/12/2013)**

Bà Mai sinh ngày 14/4/1970, hiện là Giám đốc khối điều tra, giám sát kiểm Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ - Ngân hàng TMCP Xây dựng Việt Nam. Bà Mai từng là Tổ trưởng kiêm Kiểm soát kế toán Ngân hàng TMCP Nam Á. Bà Mai có bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng

**Ông Mai Trọng Luận - Thành viên Ban Kiểm soát**

Ông Luận sinh ngày 10/07/1964. Ông hiện là Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đại Á. Trước đây ông Luận công tác tại Cục Thuế Đồng Nai và là Thanh tra viên Sở Tài chính Đồng Nai. Ông Luận có bằng Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính-Ngân hàng.

**Ông Hoàng Văn Tự - Trưởng Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 04/12/2013)**

Ông Tự là Phó Tổng giám đốc của DVSC từ tháng 5/2008, sau đó được bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc từ tháng 11/2008. Tháng 8/2010, ông Tự thôi giữ chức Quyền Tổng giám đốc và được bổ nhiệm làm Cố vấn Hội đồng quản trị.

Trước khi về DVSC, ông Tự là Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Phương Nam và Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Đồng Tháp...

Ông Tự tốt nghiệp Ngành Kinh tế, Thương mại Đại học Vạn Hạnh, Sài Gòn và Ngành Kế toán Thương nghiệp Đại học Kinh tế TP HCM.

**Ông Vũ Huy Nhân - Thành viên Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 04/12/2013)**

Ông Nhân sinh ngày 25/05/1964. Ông Nhân trước đây là Phó giám đốc khối Nguồn vốn kiêm Trưởng phòng Ngoại tệ-Vàng Ngân hàng TMCP Đại Tín (TrustBank).

Trước đó, ông Nhân làm việc tại Ngân hàng TMCP Việt Á với các chức vụ Giám đốc Nguồn vốn và Giám đốc kinh doanh Ngoại tệ-Vàng tại, tại Ngân hàng Nhà nước chi nhánh TP HCM với các chức vụ Chuyên viên chính Tổ Thanh tra ngân hàng thương mại Nhà nước, Chuyên viên chính lĩnh vực quản lý ngoại hối...

Ông Nhân có bằng Thạc sỹ chuyên ngành Tài chính-Tín dụng (Đại học Ngân hàng), Cử nhân Anh văn (Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP HCM).

**Hoạt động của Ban Kiểm soát**

Năm 2013, tình hình thị trường diễn biến không thuận lợi nhưng công ty cũng đã đạt được một số kết quả nhất định. Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm qua Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung được thông qua tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên; các quy định tại điều lệ Công ty, Pháp luật nhà nước và các quy chế, nghị quyết của Hội đồng quản trị. Giám sát

công ty thiết lập và duy trì bộ phận KSNB, Ngoài việc thường trực nắm bắt tình hình tại chỗ, BKS tham gia đầy đủ các phiên họp định kỳ và bất thường của HĐQT, đồng thời còn có các báo cáo kiểm tra cùng đề xuất, khuyến cáo đến HĐQT và Tổng giám đốc.

Thẩm định báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính, các chỉ số an toàn hoạt động. Phối hợp với Ban điều hành rà soát, phân tích các khoản nợ phải thu khó đòi, đưa ra biện pháp khắc phục.

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2013 đã được Phòng Kế toán, Tổng Giám đốc của Công ty lập, và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam).

## **VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẠI VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (“Công ty”) được lập ngày 31 tháng 12 năm 2013 và được phê duyệt ngày 18 tháng 3 năm 2014. Báo cáo tài chính này bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 29.

#### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

**Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers (Việt Nam)**

Ian S. Lydall  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0559-2013-006-1



Nguyễn Hoàng Nam  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0849-2013-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán số HCM3959  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của các báo cáo tài chính, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>100</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>87.224.854.254</b>	<b>342.511.621.416</b>
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	3	52.696.937.611	261.135.671.193
111	Tiền		32.696.937.611	75.187.642.456
112	Các khoản tương đương tiền		20.000.000.000	185.948.028.737
120	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5(a)	16.669.297.834	1.100.297.600
121	Đầu tư ngắn hạn		17.152.920.052	2.319.503.607
129	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(483.622.218)	(1.219.206.007)
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		17.648.341.633	79.967.054.389
131	Phải thu khách hàng		54.000.000	54.000.000
132	Trả trước cho người bán		131.736.000	131.736.000
135	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	6	4.429.235.954	49.942.428.054
138	Các khoản phải thu khác	7	96.597.977.650	116.912.725.364
139	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(83.564.607.971)	(87.073.835.029)
150	Tài sản ngắn hạn khác		210.277.176	308.598.234
151	Chi phí trả trước ngắn hạn		106.486.670	230.424.000
158	Tài sản ngắn hạn khác		103.790.506	78.174.234
<b>200</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>154.216.194.855</b>	<b>157.086.140.972</b>
220	Tài sản cố định		13.202.293.242	15.727.883.784
221	Tài sản cố định hữu hình	9(a)	4.664.852.297	7.627.498.039
222	Nguyên giá		17.150.081.039	20.136.367.832
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(12.485.228.742)	(12.508.869.793)
227	Tài sản cố định vô hình	9(b)	5.321.920.945	6.722.305.745
228	Nguyên giá		10.941.280.046	11.022.524.966
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.619.359.101)	(4.300.219.221)
230	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	9(c)	3.215.520.000	1.378.080.000
250	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5(b)	134.581.146.932	134.865.800.312
253	Đầu tư chứng khoán dài hạn		28.691.281.846	36.044.032.157
254	Chứng khoán sẵn sàng để bán		28.691.281.846	36.044.032.157
258	Đầu tư dài hạn khác		121.113.962.800	121.113.962.800
259	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.224.097.714)	(22.292.194.645)
260	Tài sản dài hạn khác		6.432.754.681	6.492.456.876
261	Chi phí trả trước dài hạn		912.999.093	1.006.761.719
263	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	4.728.406.028	4.244.303.522
268	Tài sản dài hạn khác		791.349.560	1.241.391.635
<b>270</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>241.441.049.109</b>	<b>499.597.762.388</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 (tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
			2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>300</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>20.837.793.164</b>	<b>282.790.061.540</b>
<b>310</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>		<b>20.837.793.164</b>	<b>282.790.061.540</b>
312	Phải trả người bán		18.850.000	664.241.260
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	24.958.262	58.674.221
315	Phải trả người lao động		24.000.000	-
316	Chi phí phải trả		294.216.853	165.306.073
319	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13	325.835.498	227.636.342.417
320	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	14	20.148.743.286	54.264.308.304
323	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.189.265	1.189.265
<b>400</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>220.603.255.945</b>	<b>216.807.700.848</b>
<b>410</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	15	<b>220.603.255.945</b>	<b>216.807.700.848</b>
411	Vốn góp của chủ sở hữu		250.000.000.000	250.000.000.000
412	Thặng dư vốn cổ phần		138.575.000.000	138.575.000.000
417	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		4.237.404.755	4.047.627.000
418	Quỹ dự phòng tài chính		3.562.404.755	3.372.627.000
420	Lỗi lũy kế		(175.771.553.565)	(179.187.553.152)
<b>440</b>	<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>		<b>241.441.049.109</b>	<b>499.597.762.388</b>

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chỉ tiêu	Mã số	Mệnh giá tại ngày	
		31.12.2013 VNĐ	31.12.2012 VNĐ
<b>2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ</b>	<b>002</b>	-	30.233.148.506
<b>6. Chứng khoán lưu ký</b>	<b>006</b>	<b>253.348.800.000</b>	<b>417.972.400.000</b>
Trong đó:			
6.1. Chứng khoán giao dịch	007	247.328.590.000	394.002.700.000
6.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	10.851.320.000	6.433.410.000
6.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	228.664.530.000	378.945.260.000
6.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	7.812.740.000	8.624.030.000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012	891.900.000	554.940.000
6.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	891.900.000	554.940.000
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán	027	4.920.970.000	22.906.000.000
6.5.1. Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.780.100.000	-
6.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	3.140.870.000	22.906.000.000
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch	037	207.340.000	508.760.000
6.7.2. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	198.060.000	508.760.000
6.7.3. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040	9.280.000	-
<b>7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết</b>	<b>050</b>	<b>96.167.300.000</b>	<b>68.600.860.000</b>
Trong đó:			
7.1. Chứng khoán giao dịch	051	96.143.800.000	68.587.360.000
7.1.1. Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	21.310.770.000	21.310.750.000
7.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	74.820.030.000	47.270.610.000
7.1.3. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054	13.000.000	6.000.000
7.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056	13.500.000	13.500.000
7.2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058	13.500.000	13.500.000
7.5. Chứng khoán chờ thanh toán	071	10.000.000	-
7.5.2. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073	10.000.000	-
<b>8. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán</b>		<b>19.834.990.000</b>	<b>19.835.085.000</b>

  
 Đỗ Thị Mỹ Linh  
 Người lập

  
 Trần Thị Rõng  
 Kế toán trưởng

  
 Hoàng Thị Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2014


Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
01	<b>Doanh thu</b>	<b>21.409.949.097</b>	<b>18.577.840.654</b>
	<i>Trong đó:</i>		
01.1	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	4.540.981.041	5.241.219.102
01.2	Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	17 6.738.765.705	2.161.785.599
01.5	Doanh thu hoạt động tư vấn	-	32.727.273
01.9	Doanh thu khác	18 10.130.202.351	11.142.108.680
02	<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(332.606.916)</b>	<b>(17.128.217)</b>
10	<b>Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh</b>	<b>21.077.342.181</b>	<b>18.560.712.437</b>
11	<b>Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>(10.577.927.021)</b>	<b>(8.661.720.501)</b>
20	<b>Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh</b>	<b>10.499.415.160</b>	<b>9.898.991.936</b>
25	<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>(6.307.501.689)</b>	<b>(6.544.814.526)</b>
30	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>4.191.913.471</b>	<b>3.354.177.410</b>
31	Thu nhập khác	3.991.760	29.227.562
32	Chi phí khác	(400.350.134)	-
40	<b>(Chi phí)/thu nhập khác – số thuần</b>	<b>(396.358.374)</b>	<b>29.227.562</b>
50	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>3.795.555.097</b>	<b>3.383.404.972</b>
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	21 -	-
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	10 -	-
60	<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>3.795.555.097</b>	<b>3.383.404.972</b>
70	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>16</b>	<b>135</b>

  
 Đỗ Thị Mỹ Linh  
 Người lập

  
 Trần Thị Rõng  
 Kế toán trưởng

  
 Hoàng Thị Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2013 VNĐ	2012 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận trước thuế	3.795.555.097	3.383.404.972
	Điều chỉnh cho các khoản:		
02	Khấu hao tài sản cố định	3.853.455.918	3.901.164.185
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng	(11.312.907.778)	(38.796.145.339)
05	(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	(964.134.170)	23.721.423.733
06	Chi phí lãi vay	109.614.782	-
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	(4.518.416.151)	(7.790.132.449)
09	Giảm/(tăng) các khoản phải thu	275.304.191.421	(29.322.632.532)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả	(261.952.268.376)	30.083.690.683
12	Giảm các chi phí trả trước	938.023.580	783.142.271
13	Tiền lãi vay đã trả	(109.614.782)	-
15	Thu khác từ hoạt động kinh doanh	450.042.075	-
16	Chi khác từ hoạt động kinh doanh	(509.718.778)	(1.424.113.381)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	<b>9.602.238.989</b>	<b>(7.670.045.408)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(2.048.189.000)	(1.378.080.000)
26	Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.345.937.220	26.781.609.000
27	Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	9.952.750.522	6.086.539.609
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	<b>9.250.498.742</b>	<b>31.490.068.609</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	Tiền vay ngắn hạn nhận được	17.620.495.550	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	(17.620.495.550)	-
	Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính	-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	<b>18.852.737.731</b>	<b>23.820.023.201</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	33.844.199.880	10.024.176.679
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	52.696.937.611	33.844.199.880

  
 Đỗ Thị Mỹ Linh  
 Người lập

  
 Trần Thị Rõng  
 Kế toán trưởng

  
  
 Hoàng Thị Tâm  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.



**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(182.570.958.124)	213.424.295.876
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.383.404.972	3.383.404.972
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	250.000.000.000	138.575.000.000	4.047.627.000	3.372.627.000	(179.187.553.152)	216.807.700.848
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	3.795.555.097	3.795.555.097
Trích lập quỹ	-	-	189.777.755	189.777.755	(379.555.510)	*
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	250.000.000.000	138.575.000.000	4.237.404.755	3.562.404.755	(175.771.553.565)	220.603.255.945

Theo Thông tư 11/2000/TT-BTC ban hành ngày 1 tháng 2 năm 2000, Công ty phải trích lập các quỹ sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.
- Quỹ dự phòng tài chính: trích 5% lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mỗi năm cho đến khi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty



Đỗ Thị Mỹ Linh  
Người lập



Trần Thị Rồng  
Kế toán trưởng



Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc  
Ngày 18 tháng 3 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 29 là một phần cấu thành các báo cáo tài chính này.

## **1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đại Việt (“Công ty”) được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004900, ngày 16 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy hoạt động kinh doanh chứng khoán đầu tiên của Công ty số 15/UBCK-GPHĐCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 6 năm 2006. Giấy phép hoạt động mới nhất của Công ty số 49/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 8 năm 2012.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 48 nhân viên (2012: 57 nhân viên).

## **2 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **2.1 Cơ sở của việc soạn lập các báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính đã được soạn lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh Nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại nước CHXHCN Việt Nam. Báo cáo tài chính được soạn lập theo nguyên tắc giá gốc.

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước CHXHCN Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

### **2.2 Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị sử dụng trong kế toán là tiền đồng Việt Nam và được trình bày trên báo cáo tài chính theo đồng Việt Nam.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán được qui đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc qui đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.4 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

## **2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

## **2.6 Khoản phải thu khách hàng**

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Tổng Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa vào giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu tại ngày lập báo cáo tài chính.

## **2.7 Các khoản đầu tư tài chính**

### **(a) Phân loại**

Công ty phân loại các khoản đầu tư thành hai nhóm: đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn. Đầu tư ngắn hạn bao gồm chứng khoán kinh doanh và hợp đồng hợp tác đầu tư trong thời hạn không quá 12 tháng. Đầu tư dài hạn bao gồm chứng khoán sẵn sàng để bán và đầu tư dài hạn khác.

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán niêm yết với mục đích kinh doanh.

Hợp đồng hợp tác đầu tư là các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết thông qua tài khoản của đối tác cũng với mục đích kinh doanh chứng khoán.

Chứng khoán sẵn sàng để bán là các chứng khoán được giữ trong thời gian không ấn định trước, có thể được bán để đáp ứng nhu cầu thanh khoản hoặc để ứng phó với trường hợp thay đổi lãi suất, tỉ giá, hoặc giá trị chứng khoán.

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư vốn dưới 20% quyền biểu quyết vào các công ty chưa niêm yết được Công ty nắm giữ mà không có ý định bán đi trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán.

**(b) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Việc mua và bán các khoản đầu tư được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản đầu tư đó. Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các khoản đầu tư đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các khoản đầu tư đó.

**(c) Đánh giá**

Chứng khoán kinh doanh đã niêm yết được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán bằng cách tham khảo giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng nếu có. Khoản dự phòng được trích lập khi có dấu hiệu suy giảm khả năng thu hồi của các khoản đầu tư.

Dự phòng được lập cho các chứng khoán sẵn sàng để bán được tự do mua bán trên thị trường và khi có sự suy giảm giá trị của các chứng khoán sẵn sàng để bán này. Phương pháp xác định dự phòng giảm giá cho chứng khoán sẵn sàng để bán tương tự như chứng khoán kinh doanh.

Đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư dài hạn khác khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ trừ trường hợp các công ty bị lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

## **2.8 Tài sản cố định**

*Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

*Khấu hao*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Phương tiện vận tải	8 năm
Máy móc, thiết bị quản lý	8 năm
Tài sản cố định khác	8 năm
Bản quyền	8 năm
Phần mềm vi tính	8 năm

*Thanh lý*

Lãi và lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **2.9 Thuê tài sản cố định**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## **2.10 Ghi nhận doanh thu**

### *(i) Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán*

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán dựa trên mức phí quy định của Công ty nhưng không vượt mức quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và được ghi nhận theo phương pháp trích trước.



(ii) *Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn*

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm thu nhập từ hoạt động tự doanh và cổ tức. Thu nhập từ hoạt động tự doanh là khoản chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán bán ra. Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(iii) *Doanh thu khác*

Doanh thu khác bao gồm thu nhập lãi tiền gửi ngân hàng, tiền lãi thu được từ các hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

## **2.11 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập

tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

## **2.12 Các bên liên quan**

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## **2.13 Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

**2.14 Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông hoặc quyền chọn được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

**3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	155.319.434	32.150.545
Tiền gửi ngân hàng	32.541.618.177	75.155.491.911
Các khoản tương đương tiền	20.000.000.000	185.948.028.737
	<u>52.696.937.611</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trong đó:		
- Tiền gửi của Công ty chứng khoán	32.582.974.658	14.871.362.889
- Tiền gửi của nhà đầu tư	15.654.347.953	244.066.750.903
- Tiền gửi thanh toán bù trừ của nhà đầu tư	4.459.615.000	2.197.557.401
	<u>52.696.937.611</u>	<u>261.135.671.193</u>
Trừ tiền gửi tại ngân hàng thương mại chưa thể thu hồi (*)	-	(227.291.471.313)
Tiền và tương đương tiền trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ	<u>52.696.937.611</u>	<u>33.844.199.880</u>

(\*) Đây là khoản tiền gửi tại một ngân hàng thương mại cổ phần đã quá hạn từ tháng 11 năm 2011. Tại ngày lập các báo cáo tài chính, ngân hàng này đã thanh toán đầy đủ khoản tiền này.

**4 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM**

	<b>Khôi lượng giao dịch thực hiện trong năm VND</b>	<b>Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND</b>
a) Của Công ty		
Cổ phiếu niêm yết	2.687.340,0	55.163.708.000
Chứng chỉ quỹ	9,5	766.928.950
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	249.651.569,0	2.691.051.768.401

Chứng chỉ quỹ	374,5	30.233.146.506
	<u>252.339.293,0</u>	<u>2.777.215.551.857</u>

## 5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Tại ngày 31.12.2013	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường		Giá thị trường VND	Dự phòng VND
		Tăng VND	Giảm VND		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>17.152.920.052</b>	<b>676.730.510</b>	<b>(483.622.218)</b>	<b>17.346.028.344</b>	<b>(483.622.218)</b>
- Chứng khoán kinh doanh - cổ phiếu niêm yết (*)	9.520.774.608	676.730.510	(483.622.218)	9.713.882.900	(483.622.218)
- Tiền gửi kỳ hạn trên 90 ngày	5.000.000.000	-	-	5.000.000.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư ngắn hạn (**)	2.632.145.444	-	-	2.632.145.444	-
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>149.805.244.646</b>	<b>373.590.256</b>	<b>(15.224.097.714)</b>	<b>134.954.737.188</b>	<b>(15.224.097.714)</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	28.691.281.846	373.590.256	(15.224.097.714)	13.840.774.388	(15.224.097.714)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-
	<u><b>166.958.164.698</b></u>	<u><b>1.050.320.766</b></u>	<u><b>(15.707.719.932)</b></u>	<u><b>152.300.765.532</b></u>	<u><b>(15.707.719.932)</b></u>

Tại ngày 31.12.2012	Giá trị theo sổ sách kế toán VND	So với giá thị trường		Giá thị trường VND	Dự phòng VND
		Tăng VND	Giảm VND		
<b>(a) Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>2.319.503.607</b>	<b>-</b>	<b>(1.219.206.007)</b>	<b>1.100.297.600</b>	<b>(1.219.206.007)</b>
- Chứng khoán kinh doanh -cổ phiếu niêm yết (*)	2.319.503.607	-	(1.219.206.007)	1.100.297.600	(1.219.206.007)
<b>(b) Đầu tư dài hạn</b>	<b>157.157.994.957</b>	<b>451.888</b>	<b>(22.292.194.645)</b>	<b>134.866.252.200</b>	<b>(22.292.194.645)</b>
- Chứng khoán sẵn sàng để bán – cổ phiếu niêm yết (*)	36.044.032.157	451.888	(22.292.194.645)	13.752.289.400	(22.292.194.645)
- Đầu tư dài hạn khác	121.113.962.800	-	-	121.113.962.800	-

<b>159.477.498.564</b>	<b>451.888</b>	<b>(23.511.400.652)</b>	<b>135.966.549.800</b>	<b>(23.511.400.652)</b>
------------------------	----------------	-------------------------	------------------------	-------------------------

(\*) Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội được tính dựa vào giá bình quân của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Giá trị thị trường của cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh được tính dựa vào giá đóng cửa của ngày giao dịch cuối cùng của kỳ báo cáo tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(\*\*) Đây là khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác đầu tư ký giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long vào ngày 2 tháng 1 năm 2013 nhằm mục đích cung cấp dịch vụ giao dịch ký quỹ cho các khách hàng có tài khoản giao dịch chứng khoán tại Công ty. Theo đó, Công ty có quyền kiểm soát toàn bộ tài sản đảm bảo của các khách hàng này.

## 6 PHẢI THU HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phải thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ	-	1.671.102.613
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền bán	721.211.954	15.993.498.122
Phải thu từ hoạt động ứng trước tiền mua	-	32.277.827.319
Phải thu Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán từ hoạt động tự doanh	3.708.024.000	-
	<u>4.429.235.954</u>	<u>49.942.428.054</u>

## 7 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Phân loại lại từ các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	96.139.651.852	116.344.124.145
Phải thu khác	458.325.798	568.601.219
	<u>96.597.977.650</u>	<u>116.912.725.364</u>
Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi (Xem Thuyết minh 8)	<u>(83.564.607.971)</u>	<u>(87.073.835.029)</u>
	<u>13.033.369.679</u>	<u>29.838.890.335</u>

(\*) Trong năm 2012, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phân loại lại khoản tiền 116.344.124.145 đồng do không đủ điều kiện ghi nhận trong phải thu từ các giao dịch chứng khoán thành khoản phải thu khác. Trong năm 2013, Công ty đã thu hồi 20.204.472.293 đồng từ các khoản nợ phải thu này.

## 8 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Số dư đầu năm	87.073.835.029	92.265.695.598
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 20)	(3.509.227.058)	(5.191.860.569)
Số dư cuối năm	<u>83.564.607.971</u>	<u>87.073.835.029</u>

Số hoàn nhập dự phòng trong năm được ước tính dựa vào giá trị tài sản đảm bảo của các khoản phải thu.

## 9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

### (a) Tài sản cố định hữu hình

	<b>Phương tiện vận tải</b> <b>VND</b>	<b>Máy móc, thiết bị quản lý</b> <b>VND</b>	<b>Tài sản cố định khác</b> <b>VND</b>	<b>Tổng cộng</b> <b>VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	16.728.095.866	3.298.189.498	110.082.468	<b>20.136.367.832</b>
Chuyển từ xây dựng cơ bản	210.749.000	-	-	<b>210.749.000</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(366.725.745)	(2.750.327.580)	(79.982.468)	<b>(3.197.035.793)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>16.572.119.121</u>	<u>547.861.918</u>	<u>30.100.000</u>	<u><b>17.150.081.039</b></u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>				
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	10.253.570.243	2.195.608.482	59.691.068	<b>12.508.869.793</b>
Khấu hao trong năm	2.095.652.737	371.812.917	12.406.149	<b>2.479.871.803</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(271.835.722)	(2.168.045.549)	(63.631.583)	<b>(2.503.512.854)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>12.077.387.258</u>	<u>399.375.850</u>	<u>8.465.634</u>	<u><b>12.485.228.742</b></u>

**Giá trị còn lại**

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013

	6.474.525.623	1.102.581.016	50.391.400	<b>7.627.498.039</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>4.494.731.863</u>	<u>148.486.068</u>	<u>21.634.366</u>	<b><u>4.664.852.297</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 69.471.600 đồng (2012: 116.443.214 đồng).

**(b) Tài sản cố định vô hình**

	<b>Bản quyền VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	573.439.092	10.449.085.874	<b>11.022.524.966</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(28.741.660)	(52.503.260)	<b>(81.244.920)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>544.697.432</u>	<u>10.396.582.614</u>	<b><u>10.941.280.046</u></b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	370.758.303	3.929.460.918	<b>4.300.219.221</b>
Khấu hao trong năm	70.182.920	1.303.401.195	<b>1.373.584.115</b>
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (*)	(17.853.625)	(36.590.610)	<b>(54.444.235)</b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>423.087.598</u>	<u>5.196.271.503</u>	<b><u>5.619.359.101</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	<u>202.680.789</u>	<u>6.519.624.956</u>	<b><u>6.722.305.745</u></b>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>121.609.834</u>	<u>5.200.311.111</u>	<b><u>5.321.920.945</u></b>

**(c) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2013 VNĐ</b>	<b>2012 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	1.378.080.000	-
Tăng trong năm	2.048.189.000	1.378.080.000
Chuyển sang TSCĐ	(210.749.000)	-

Số dư cuối năm

3.215.520.000

1.378.080.000

Đây là khoản chi phí thực hiện lắp đặt hệ thống giao dịch chứng khoán Flex được ghi nhận theo tiến độ thanh toán.

## 10 THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Các khoản lỗ có thể được bù trừ với lợi nhuận chịu thuế trong tương lai trong vòng năm năm liên tục kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế sẽ phụ thuộc vào việc kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế và có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào lợi nhuận chịu thuế trong tương lai của Công ty như sau:

<b>Lỗ thuế</b>	<b>Tình trạng kiểm tra của cơ quan thuế</b>	<b>Lỗ tính thuế có thể được chuyển qua các năm sau VND</b>
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	Chưa quyết toán	3.592.745.088
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	Chưa quyết toán	7.179.871.420
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012	Chưa quyết toán	2.628.430.456
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Chưa quyết toán	1.857.784.922

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế phát sinh vì khả năng đạt được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ này được đánh giá hiện nay là không cao.

## 11 TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Theo Quyết định 60/2004/QĐ-BTC ngày 15 tháng 7 năm 2004 và Quyết định 102/VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán và đóng thêm 0,01% hàng năm dựa trên doanh số



giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết và chứng khoán đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ đồng mỗi năm.

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	4.244.303.522	3.500.170.930
Tiền nộp bổ sung	9.609.011	-
Tiền lãi	474.493.495	744.132.592
Số dư cuối năm	<u>4.728.406.028</u>	<u>4.244.303.522</u>

## 12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Thuê GTGT dịch vụ cung cấp	1.200.000	1.700.000
Thuê thu nhập cá nhân	23.758.262	56.974.221
	<u>24.958.262</u>	<u>58.674.221</u>

## 13 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả một cổ đông lớn của Công ty (Thuyết minh 23(b)) (*)	-	192.000.000.000
Lãi tiền gửi từ khoản tiền ủy thác của Cổ đông lớn (Thuyết minh 23(b)) (*)	-	35.243.699.417
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty	304.130.000	307.630.000
Phải trả khác	21.705.498	85.013.000
	<u>325.835.498</u>	<u>227.636.342.417</u>

(\*) Các khoản tiền này thể hiện số lãi đã quá hạn phải trả và tiền gốc quá hạn phải trả một tổ chức tín dụng là một cổ đông lớn của Công ty. Tại ngày lập các báo cáo tài chính này, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản tiền là 227.291.471.313 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc là 192.000.000.000 đồng và lãi phát sinh là 35.291.471.313 đồng) (Thuyết minh số 3).

**14 PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Phải trả Sở giao dịch, Trung tâm lưu ký chứng khoán	40.063.950	88.652.732
Tiền gửi giao dịch chứng khoán của khách hàng chờ thanh toán	4.455.615.000	26.840.255.000
Tiền gửi trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư	15.653.064.336	27.335.400.572
	<u>20.148.743.286</u>	<u>54.264.308.304</u>

**15 VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**
**(a) Số lượng cổ phiếu**

	<b>2013</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>	<b>2012</b> <b>Cổ phiếu</b> <b>phổ thông</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<u>25.000.000</u>	<u>25.000.000</u>

**(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

Theo giấy phép thành lập và hoạt động số 15/UBCK-GP ngày 28 tháng 6 năm 2006 và giấy phép điều chỉnh số 97/GPĐC-UBCK ngày 21 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, vốn điều lệ của Công ty là 250.000.00.000 đồng (hai trăm năm mươi tỷ đồng), tương đương 25.000.000 cổ phần, mỗi cổ phần mệnh giá là 10.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Công ty như sau:

	<b>2013</b>		<b>2012</b>	
	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>	<b>Cổ phiếu phổ thông</b>	<b>%</b>
Phần vốn tổ chức	8.339.150	33	8.339.150	33
Phần vốn của cá nhân	16.660.850	67	16.660.850	67
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>	<u>25.000.000</u>	<u>100</u>

**16 LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**
**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VNĐ)	3.795.555.097	3.383.404.972
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	25.000.000	25.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VNĐ)	<u>152</u>	<u>135</u>

**17 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN, GÓP VỐN**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Thu nhập cổ tức	3.687.967.714	2.161.785.599
Lãi từ mua bán chứng khoán	3.050.797.991	-
	<u>6.738.765.705</u>	<u>2.161.785.599</u>

**18 DOANH THU TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC**

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.213.984.817	3.924.754.010
Lãi từ hoạt động ứng tiền bán cho nhà đầu tư	2.215.851.156	1.767.759.446
Doanh thu từ hoạt động giao dịch ký quỹ và cho khách hàng vay mua chứng khoán	2.080.493.229	5.396.595.224
Doanh thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư	2.548.160.333	-
Doanh thu khác	71.712.816	53.000.000
	<u>10.130.202.351</u>	<u>11.142.108.680</u>

**19 CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên	3.711.207.578	5.048.153.134
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.423.649.426	2.470.603.087
Chi phí môi giới chứng khoán cho nhà đầu tư	2.312.178.519	2.350.895.639
Chi phí lãi vay	109.614.782	-
Chi phí thuê văn phòng	1.584.538.365	1.460.723.940
Lỗ từ thanh lý chứng khoán dài hạn	6.006.813.091	29.807.963.342
Lỗ từ mua bán chứng khoán ngắn hạn	605.686.260	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(7.803.680.720)	(33.604.284.770)
Chi phí khác	1.627.919.720	1.127.666.129
	<u>10.577.927.021</u>	<u>8.661.720.501</u>

**20 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Chi phí nhân viên quản lý	3.941.403.875	4.883.485.113
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.806.492	1.430.581.098
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi (Thuyết minh 8)	(3.509.227.058)	(5.191.860.569)
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	1.633.964.820	2.647.982.264
Chi phí thuê văn phòng	1.232.597.070	1.110.510.720
Chi phí bằng tiền khác	1.578.956.490	1.664.115.900
	<u>6.307.501.689</u>	<u>6.544.814.526</u>

**21 THUẾ**

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất áp dụng được thể hiện như sau:

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.795.555.097	3.383.404.972
Thuế tính ở thuế suất 25%	948.888.774	845.851.243
Điều chỉnh:		
- Thu nhập không chịu thuế	(921.991.929)	(540.446.400)
- Chi phí không được khấu trừ (bao gồm phần hoàn nhập dự phòng phải thu)	(491.343.076)	(962.512.457)
- Lỗi tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	464.446.231	657.107.614
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-

## 22 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể khiến cho Công ty chịu một số rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

### (1) Rủi ro thị trường

#### *Rủi ro giá*

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư, danh mục đầu tư, định kỳ đánh giá lại danh mục, tuân thủ các nguyên tắc và giới hạn trong quy chế đầu tư. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu giá các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ cao hơn 1.271.151.440 đồng/ thấp hơn 1.602.026.889 đồng tương ứng.

**(2) Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro khi khách hàng hoặc đối tác trong các giao dịch công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ hợp đồng, gây tổn thất tài chính cho Công ty. Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có lịch sử tín dụng thích hợp nhằm giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác.

Công ty không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc giảm giá. Các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán và phải thu khác quá hạn như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	-	54.434.000.000
Quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	46.097.973.065	7.400.744.400
Quá hạn trên 3 năm	45.817.358.787	44.205.379.745
	<u>91.915.331.852</u>	<u>106.040.124.145</u>

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng được xác định là có giảm giá và sự tăng giảm dự phòng khoản giảm giá liên quan như sau:

	<b>2013</b> <b>VND</b>	<b>2012</b> <b>VND</b>
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.429.235.954	49.942.428.054
Phải thu khác	96.597.977.650	116.912.725.364
	<u>101.027.213.604</u>	<u>166.855.153.418</u>
Trừ: Dự khoản giảm giá (Thuyết minh 8)	(83.564.607.971)	(87.073.835.029)
	<u>17.462.605.633</u>	<u>79.781.318.389</u>

Các khoản phải thu khách hàng bị giảm giá chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu liên quan đến hoạt động hỗ trợ khách hàng kinh doanh chứng khoán.

**(3) Rủi ro thanh khoản**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm phải trả người bán, phải trả giao dịch chứng khoán, và phải trả khác với số tiền là 20.787.645.637 đồng (2012: 282.730.198.054 đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

**23 GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

Trong năm, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
<i>i) Mua hàng hóa và dịch vụ</i>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Phí thuê văn phòng	2.367.093.360	2.571.234.660
<i>ii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt</i>		
Lương và các quyền lợi gộp khác	951.400.000	1.220.700.000
	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
<i>iii) Hoạt động khác</i>		
<b>Cổ đông lớn</b>		
Hoàn trả cho cổ đông lớn	192.000.000.000	93.622.346.100
Lãi tiền gửi đã trả cho cổ đông lớn	59.179.010.033	6.390.138.888
<b>(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan</b>	<b>2013</b> <b>VNĐ</b>	<b>2012</b> <b>VNĐ</b>
<b>Các khoản phải trả, phải nộp khác (Thuyết minh 13)</b>		
Tiền gốc phải trả cổ đông lớn	-	192.000.000.000
Lãi tiền gửi phải trả cổ đông lớn	-	35.243.699.417

**24 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Dưới 1 năm	2.101.969.200	2.454.571.200
Từ 2 đến 5 năm	2.642.625.600	5.567.332.800
<b>Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu</b>	<b>4.744.594.800</b>	<b>8.021.904.000</b>

**25 CAM KẾT MUA TÀI SẢN**

Công ty có các cam kết thanh toán cho việc thực hiện hợp đồng mua tài sản cố định nhưng không thể hiện trong các báo cáo tài chính như sau do khối lượng công việc chưa được thực hiện:

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Mua tài sản cố định	1.378.080.000	3.215.520.000

**26 NỢ TIỀM TÀNG**

Trong tháng 6 năm 2013, ba nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Chi nhánh Hà Nội của Công ty đã khiếu nại Công ty vì mất tiền trong tài khoản kinh doanh chứng khoán của họ với tổng số tiền là 2.048.000.000 đồng. Phó Giám đốc Công ty phụ trách chi nhánh Hà Nội đã thực hiện chuyển khoản tiền này từ các tài khoản kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư sang tài khoản kinh doanh chứng khoán của Ông mà chưa có sự đồng ý, xác nhận của các cá nhân này.

Tại ngày báo cáo tài chính này, Công ty và các cơ quan điều tra đang trong quá trình làm việc để điều tra sự việc trên. Công ty cam kết hoàn trả các khoản tiền này cho các nhà đầu tư khi có kết quả điều tra từ các cơ quan có thẩm quyền.



Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Ban Tổng Giám đốc duyệt phát hành ngày 18 tháng 3 năm 2014.

  
Đỗ Thị Mỹ Linh  
Người lập

  
Trần Thị Rõng  
Kế toán trưởng

  
  
Hoàng Thị Tâm  
Tổng Giám đốc

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
CHỦ TỊCH HĐQT**

  
  
**MAI HỮU KHƯƠNG**